

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2020/DS-PT

Ngày: 22/9/2020

V/v “*T/C thừa kế tài sản, hủy giấy chứng
nhận QSDĐ*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/DS-PT ngày 02/02/2020, về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3462/2020/QĐPT, ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 94/1 ấp Số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Bà Lê Thị P, sinh năm 1960. Địa chỉ : Số 1222, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày 25/11/2016 (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 1940 (vắng mặt)

2.2. Ông Lê Văn H1 (Hùng), sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 94/1 ấp Số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966. Địa chỉ: LK02 – 41 đường C3, khu dân cư M, khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày ngày 14/3/2017 và ngày 23/3/2017 (có đơn xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K là ông Huỳnh Anh D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K (có đơn xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.3. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.4. Bà Lê Thanh Th (Lê Thị Thanh Th), sinh năm 1980 (vắng mặt)

3.5. Bà Lê Thị Thảo L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3.6. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 94/1 ấp Số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Bà Mai Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 576/1, ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị N, ông Lê Văn Tr: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966. Địa chỉ: LK02 – 41 đường C3, khu dân cư M, khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xét xử vắng mặt)

3.8. Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3.9. Bà Bà Lê Thị P, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 1222, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

3.10. Bà Lê Thị D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 09/1 ấp số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3.11. Bà Lê Thị P, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 158 ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

3.12. Bà Lê Thị A, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 298 ấp C, xã Đ, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

3.13. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 09/1 ấp số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, Lê Thị D, Lê Thị P, bà Phạm Thị Đ: Bà Lê Thị P, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 1222, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Thanh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P, Lê Thị A, Lê Thị D, Lê Thị P: Bà Sơn Thị Pheng – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Việt H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Cha của ông Lê Thanh H là ông Lê Văn Hiền (chết năm 1993) và bà Nguyễn Thị Ngân (là mẹ lớn của ông, chết năm 1974) cưới nhau trước năm 1970. Trong quá trình chung sống, ông Lê Văn Hiền và bà Nguyễn Thị Ngân đã tạo lập được tài sản là một mảnh đất vườn có diện tích khoảng 3.236m², nay là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 1.942,8m² thuộc thửa đất số 75, 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, ông Hiền và bà Ngân có 04 người con chung gồm: Lê Thị A, Lê Văn Hồng (đã chết 1978, có con là Lê Thị D); bà Lê Thị P và Lê Thị P. Năm 1974, bà Ngân mất thì ông Hiền quản lý, sử dụng đất và cất nhà ở (nhà cấp 4, diện tích 150m²), bà Ngân cũng được chôn cất trên phần đất này.

Đến năm 1980, ông Lê Văn Hiền chung sống với bà Ngô Thị Kim A (là mẹ ruột của ông H) và có 07 người con chung là: Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr, Lê Thị Thanh Thúy, Lê Thị Thảo L và ông Lê Thanh H. Khi về sống chung với ông Hiền thì bà Kim A có dẫn theo người con riêng là ông Lê Văn H1 (Hùng) về sống cùng gia đình.

Năm 1993 ông Hiền chết, không để lại di chúc, nhà và đất nêu trên do ông H và mẹ của ông là bà Kim A quản lý, sử dụng, về phần di sản của bà Ngân thì các chị em của ông là bà A, bà P, bà Ph và bà D (con của ông Hồng) đều thống nhất là tài sản chung chưa chia và đồng ý giao lại cho ông H quản lý và sử dụng thờ cúng ông bà. Năm 2001 do nhà đã xuống cấp nên ông đã bỏ tiền ra xây lại nhà mới, loại nhà mái lợp tol, nền lát gạch, vách bằng gỗ trị giá 19.000.000đ, diện tích nhà là 150m², sau khi xây xong nhà thì ông và bà Kim A cùng sống trong nhà này.

Đầu năm 2015 ông H về ở chung nhà với ông vì vợ chồng ông H đã ly thân nhau, nhưng đến tháng 5/2015 ông H tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544286 ngày 27/5/2015 cho ông H và bà Mai Thị N (vợ ông H) đứng tên. Việc ông H, bà N được cấp giấy ông không hề hay biết, đến khi bà Anh và ông H đuổi ông ra khỏi nhà vì cho rằng nhà, đất nêu trên là tài sản của ông H. Sự việc nêu trên được UBND xã Đ hòa giải nhưng không thành.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu

1/ Yêu cầu Tòa án phân chia 50% di sản thừa kế của ông Lê Văn Hiền là phần đất vườn có diện tích $3.236m^2$ (đo đạc thực tế là $1.942,8m^2$) thuộc thửa số 75, 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho các đồng thừa kế là: Lê Thị A, Lê Văn Hồng (đã chết 1978, có con là Lê Thị D); bà Lê Thị P, Lê Thị P và ông Lê Thanh H; Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr, Lê Thị Thanh Th, Lê Thị Thảo L và ông Lê Văn H1 (Hùng) mỗi người một phần theo quy định của pháp luật. 50% diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của bà Ngân, ông không yêu cầu chia.

2/ Buộc bà Ngô Thị Kim A, ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Lê Thanh Th trả lại 50% diện tích đất thửa số 75, 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho các đồng thừa kế là: Lê Thị A, Lê Văn Hồng (đã chết 1978, có con là Lê Thị D), bà Lê Thị P, Lê Thị P và ông Lê Thanh H, Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr, Lê Thị Thanh Thúy, Lê Thị Thảo L.

3/ Buộc bà Ngô Thị Kim A và ông Lê Văn H1 (Hùng) trả lại cho ông H căn nhà có diện tích $150m^2$ gắn liền với phần đất thửa 76 nêu trên.

4/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 544286 do UBND huyện K cấp cho ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Mai Thị N ngày 27/5/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ghi tắt là GCNQSDĐ) thửa đất 75 của bà Lê Thanh Th đứng tên.

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn ông H cũng là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D, bà Ph, bà A, bà Đánh rút yêu về việc buộc bà Ngô Thị Kim A và ông Lê Văn H1 (Hùng) trả lại cho ông H căn nhà có diện tích $150m^2$ gắn liền với phần đất thửa 76.

- *Tại các tờ tường trình của bị đơn ông Lê Văn H1 (Hùng), Ngô Thị Kim A cùng ngày 04/7/2017; tờ tường trình của người đại diện của các bị đơn trình bày:*

Ông Lê Văn Hiền có hai đời vợ; người vợ thứ nhất là Nguyễn Thị Ngân (chết trước năm 1975), ông Hiền và bà Ngân có 04 người con chung gồm Lê Thị P, Lê Văn Hồng (chết năm 1979), Lê Thị P, Lê Thị A; người vợ thứ hai là bà Ngô Thị Kim A, giữa ông Hiền và bà Kim A có 08 người con chung gồm: Lê Văn H1 (Hùng), Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Thanh H, Lê Thanh Th, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr và Lê Thị Thảo L. Năm sinh đúng của ông Lê Văn H1 (Hùng) là 1969, nhưng do sợ bị bắt đi lính nên kê khai ông H sinh năm 1976, hơn nữa bà Lê Thị Kim S là con ông Hiền, bà Kim A sinh năm 1972 nên thời điểm ông Hiền và bà Kim A chung sống với nhau từ khoảng năm 1968 không phải năm 1980 như nguyên đơn trình bày.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp theo bà Ngô Thị Kim A là của cha ông Lê Văn Hiền để lại cho ông Hiền, ông Lê Văn H1 (Hùng) không biết nguồn gốc đất tranh chấp thế nào. Diện tích đất tranh chấp thì khoảng 02 công tầm cây. Năm 1992 ông Lê Văn Hiền sang nhượng phần đất đang tranh chấp với giá 20 chỉ vàng 24K cho vợ chồng ông Lê Văn H1 (Hùng) – bà Mai Thị N, khi sang nhượng ông Hiền có nói khi có tiền sẽ chuộc lại đất, việc sang nhượng không có giấy tờ và chỉ có bà Kim A chứng kiến. Đến năm 1996 ông Lê Văn H1 (Hùng) được cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2015 vợ chồng ông H chuyển nhượng phần đất diện tích 149,8m² cho bà Lê Thanh Th để cất nhà, đến ngày 27/5/2015 bà Thúy đã được cấp GCNQSDĐ thửa 75, phần đất còn lại là 1.793m² thuộc thửa 76 hiện do ông Lê Văn H1 (Hùng) đứng tên quyền sử dụng đất.

Đối với căn nhà trên đất tranh chấp tại thửa 76 hiện do ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Ngô Thị Kim A đang sinh sống là do vợ chồng ông Lê Văn H1 (Hùng), bà Mai Thị N và bà Ngô Thị Kim A bỏ tiền ra xây dựng lại vào năm 1999.

Vì vậy, ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Ngô Thị Kim A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị P.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim S trình bày:*

Bà Lê Thị Kim S là con của ông Lê Văn Hiền và bà Ngô Thị Kim A. Phần đất tranh chấp theo bà là của cha bà là ông Lê Văn Hiền để lại, bà không biết thời điểm ông Hiền – bà Kim A sống chung khi nào nhưng khi bà Kim A về chung sống với ông Lê Văn Hiền thì phần đất tranh chấp đã có. Ông Lê Văn H1

(Hùng) là con ruột của ông Lê Văn Hiền – bà Ngô Thị Kim A. Lúc còn sống thì ông Hiền sinh sống cùng vợ chồng ông Lê Văn H1 (Hùng), quá trình sống chung do thiếu nợ nên thế chấp phần đất hiện tranh chấp cho vợ chồng ông H – bà N với giá 02 cây vàng, khi nào có tiền cha bà chuộc lại. Sau này ông H có bán 01 phần đất cho Lê Thanh Th hiện Thúy đã được cấp GCNQSDĐ. Đối với căn nhà trên đất tranh chấp hiện ông H và bà Kim A đang ở là do ông H sửa chữa xây dựng lại từ căn nhà lá cha bà để lại. Ông Lê Văn H1 (Hùng) là con chung của ông Lê Văn Hiền và bà Ngô Thị Kim A.

- Tại Tờ tường trình ngày 14/7/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh Th trình bày:

Phần đất tranh chấp đã được cha bà là ông Lê Văn Hiền sang nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn H1 (Hùng)- bà Mai Thị N nên không còn là di sản thừa kế của ông Lê Văn Hiền. Năm 2015 bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H1 (Hùng) với diện tích đất 149,8m² và đến ngày 27/5/2015 bà đã được cấp GCNQSDĐ thửa số 75.

- Tại Tờ tường trình ngày 05/6/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị N trình bày:

Cha chồng bà là ông Lê Văn Hiền có hai đời vợ với hai dòng con riêng là 12 người con dẫn đến gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên năm 1992 biết được vợ chồng bà có tích lũy được một số vốn riêng nên ông Lê Văn Hiền sang nhượng phần đất tranh chấp cho vợ chồng bà với giá 20 chỉ vàng 24k để ông Hiền có tiền trả nợ, khi sang nhượng không có làm giấy tờ mà chỉ có bà Ngô Thị Kim A chứng kiến. Đến năm 1996 vợ chồng bà được cấp GCNQSDĐ do chồng bà ông Lê Văn H1 (Hùng) đứng tên. Vợ chồng bà trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục phần đất tranh chấp đến năm 2015 thì chuyển nhượng 149,8m² đất cho Lê Thanh Th nên ngày 27/5/2015 phần đất được điều chỉnh lại cụ thể là Lê Thanh Th được cấp GCNQSDĐ thửa 75, diện tích đất 149,8m², phần đất còn lại có diện tích 1.793 m² do vợ chồng bà đứng tên thửa 76.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị P là không căn cứ vì tính đến thời điểm hiện nay thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đã hết hơn nửa phần đất tranh chấp đã được ông Lê Văn Hiền sang nhượng lại cho vợ chồng bà.

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị P. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông H và bà P.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 13/3/2017, ngày 20/11/2017; biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2017 và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày:*

Bà là con của ông Lê Văn Hiền (chết năm 1993) và bà Lê Thị Ngân (chết năm 1974), cha mẹ bà cưới nhau trước năm 1970 và có 04 người con chung gồm: Lê Văn Hồng (chết năm 1978 và có con là Lê Thị D), Lê Thị A, Lê Thị P. Quá trình chung sống cha và mẹ bà có tạo lập được mảnh vườn diện tích 3.236m^2 , phần đất này hiện là thửa đất 75, 76 đang tranh chấp có tổng diện tích đo đạc thực tế $1.942,8\text{m}^2$. Sau khi mẹ bà chết thì phần đất do cha bà quản lý và cất nhà.

Năm 1980 cha bà là ông Lê Văn Hiền sống chung với bà Ngô Thị Kim A và có 07 người con chung gồm Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Thanh H, Lê Thanh Th, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr và Lê Thị Thảo L. Còn ông Lê Văn H1 (Hùng) là con riêng của bà Ngô Thị Kim A.

Năm 1993 cha bà chết không để lại di chúc nên nhà và đất để lại cho bà Kim A và em bà là Lê Thanh H quản lý sử dụng, về phần di sản của mẹ bà thì các chị em bà là bà A, Phương và bà D (con ông Hồng) và bà thống nhất chưa chia và giao cho Lê Thanh H quản lý, sử dụng. Nay giữa Lê Thanh H, Lê Văn H1 (Hùng) và bà Ngô Thị Kim A phát sinh tranh chấp nên bà yêu cầu:

1. Buộc bà Ngô Thị Kim A và ông Lê Văn H1 (Hùng) trả lại diện tích đất 1.618m^2 (đo đạc thực tế $896,5\text{m}^2$), thuộc thửa số 76 và $74,9\text{m}^2$ đất tại thửa 75 (là 50% di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngân) cho các đồng thừa kế là: Lê Thị A, Lê Thị D; bà Lê Thị P và bà vì đây là tài sản chung của bà A, Dương, Phương, và bà.

2. Chia thừa kế 50% di sản thừa kế còn lại (di sản của ông Lê Văn Hiền) gồm: 1.618m^2 đất (đo đạc thực tế $896,5\text{m}^2$), thuộc thửa số 76 và $74,9\text{m}^2$ đất tại thửa 75, cùng thuộc tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế là: Lê Thị A, Lê Văn Hồng (đã chết 1978, có con là Lê Thị D); bà Lê Thị P, Lê Thị Kim S, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Tr, Lê Thị Thanh Thúy, Lê Thị Thảo L, ông Lê Văn H1 (Hùng), ông Lê Thanh H và bà theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H.

3. Hủy GCNQSDĐ thửa 75, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thanh Th vào ngày 27/5/2015.

Tại tòa, bà Lê Thị P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ngân cho những người thừa kế của cụ Ngân.

- Tại Tờ tường trình ngày 10/9/2018, người đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tr trình bày:

Tại thời điểm phát sinh giao dịch giữa ông Lê Văn Hiền (cha ông Lê Văn Tr) với bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) liên quan đất tranh chấp thì ông Trường còn nhỏ nên không biết. Sau khi trưởng thành thì ông Trường được bà Ngô Thị Kim A cho biết phần đất tranh chấp đã được ông Lê Văn Hiền sang lại cho ông H từ lâu. Từ đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị P là không có cơ sở.

- Tại Công văn số 378/UBND-VP, ngày 09/11/2017 và 212/UBND.VP, ngày 01/6/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K cung cấp thông tin sau:

Thửa đất số 76 và thửa 75, cùng thuộc tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Mai Thị N. Trước khi tách thành thửa 75, 76 thì phần đất này là thửa 54, tờ bản đồ số 80, diện tích 1.942,8m² được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho ông H và bà N vào ngày 28/01/2015.

Thửa đất 54 có nguồn gốc là cấp đổi lại từ thửa 623, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.980m² do hộ ông Lê Thanh Hòa đứng tên quyền sử dụng đất, ông Lê Thanh Hòa được cấp GCNQSDĐ thửa 623 là căn cứ vào hồ sơ địa chính lập năm 1992-1994.

Việc tách thửa 54 thành thửa 75, 76 là do ông H và bà N chuyển nhượng diện tích đất 149,8m² cho bà Lê Thanh Th nên đến ngày 27/5/2015 UBND huyện K cấp GCNQSDĐ thửa 75, diện tích 149,8m² cho bà Lê Thanh Th (GCN số BT.544287), phần đất còn lại của thửa 54 thì được cấp đổi thành thửa 76, diện tích 1.793m² do ông H đứng tên (GCN số BY. 544286).

Tại Bản án dân sự số 25/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Án lệ số 05/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P về việc chia di sản thừa kế.

- Nguyên đơn Lê Thanh H được hưởng và được quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị Ngân và cụ Lê Văn Hiền đối với diện tích đất là 199m² thuộc một phần thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 01 cây Dừa loại A; 02 cây Dừa loại C, 01 cây Cà na. Phần đất có vị trí, số đo tứ cận cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp có số đo 41,33m + 3,34m + 8,02m + 0,51m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76 có số đo 53,2m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 3,9m.

(có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản ông H được hưởng là 14.630.000 đồng (Trong đó: phần di sản thừa kế của cụ Hiền mà ông Lê Thanh H được hưởng có giá trị là 11.424.257 đồng, phần giá trị còn lại là 3.205.743 đồng, ông Lê Thanh H có trách nhiệm hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác).

- Bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng và được quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị Ngân và cụ Lê Văn Hiền là diện tích đất 1.594 m² (1.942,8m² – 199m² (phần đất do Hiệp được chia) – 149,8m² (phần đất do bà Lê Thanh Th nhận chuyển nhượng) thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 05 cây Dừa loại A, 08 cây Dừa loại B, 26 cây Dừa loại C, 17 cây Cau loại C, 03 cây Chuối loại A, 12 cây Chuối loại B, 38 cây Chanh loại C, 02 cây Mắm loại A, 01 cây Còng loại A, 01 cây Mít loại C, 01 cây Khế loại B, 01 cây Vú Sữa loại C và 01 cây Mai lớn hơn 05cm. Phần đất có số đo tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp và phần còn lại của thửa số 76 (giao cho Lê Thanh H) có số đo 53,2m + 5,2m + 7,0m + 31,49m;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Thắng (Nguyễn Văn Triều) và thửa số 75 có số đo 30m + 5,0m + 53,65m + 1,0m + 7,8m;

Hướng Nam giáp Nguyễn Văn Thắng có số đo 25,68m

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 8,68m.

(có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản ông Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng là 251.936.000 đồng (Trong đó: phần di sản thừa kế của cụ Hiền mà ông Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng có giá trị là 22.848.514 đồng, phần giá trị còn lại là 229.087.486 đồng ông Lê Văn H1 (Hùng) có trách nhiệm hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác).

- Bà Lê Thanh Th được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 149,8m², tại thửa 75, tờ bản đồ số 80, tọa lạc ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544287 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho bà Lê Thanh Th, có số đo tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 76, số đo 30m;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Thắng (Nguyễn Văn Triều), số đo 30m;

Hướng Nam giáp thửa 76, số đo 5m;

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C), số đo 5m.

- Buộc nguyên đơn ông Lê Thanh H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền là 3.205.743 đồng (tương ứng một phần giá trị của 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

- Buộc bị đơn ông Lê Văn H1 (Hùng) có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần mà họ được hưởng. Cụ thể:

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền 34.875.114 đồng (tương ứng phần còn lại của 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị A mỗi người 38.080.857 đồng (tương ứng với 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả di sản của ông Lê Văn Hồng cho bà Lê Thị D là 38.080.857 đồng (tương ứng 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền là 11.424.257 đồng mà bà D được hưởng thừa kế thế vị từ ông Hồng và 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân là 26.656.600 đồng giao bà D đại diện nhận quản lý).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Ngô Thị Kim A, bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L mỗi người 11.424.257 đồng (tương ứng với 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H về việc buộc các bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) và Ngô Thị Kim A giao trả căn nhà gắn liền trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544287 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lê Thanh Th đối với thửa số 75, diện tích 148,9m², tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544286 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Mai Thị N đối với phần đất có diện tích 199m² thuộc thửa đất số 76 (phần đất do ông H được chia), tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí, số đo tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp có số đo 41,33m + 3,34m + 8,02m + 0,51m;

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76 có số đo 53,2m;

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;

- Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 3,9m.

(có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định; chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/09/2019, ông Trần Việt H đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H1 (Hùng) kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông Lê Thanh H, cho rằng thời hiệu khởi kiện thừa kế đã hết; cây trồng trên đất là do ông Lê Văn H1 (Hùng) trồng; nhà đất là của cụ Hiền đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn H1 (Hùng) với giá 20 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Việt H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên những nội dung kháng cáo trên.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đúng pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Lê Thị P đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan đồng ý thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho ông H là tự nguyện nên cần ghi nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật; về giá trị cây trồng trên đất đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự tự nguyện thanh toán cho ông Lê Văn H1 (Hùng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của ông Trần Việt H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H1 (Hùng), đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Xét kháng cáo của ông Trần Việt H cho rằng thời hiệu khởi kiện thừa kế đã hết thì thấy: Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, kể từ ngày mở thừa kế. Tại giải đáp thắc mắc số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đối với những trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990 (ngày Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có hiệu lực). Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ Nguyễn Thị Ngân chết năm 1974 và cụ Lê Văn Hiền chết năm 1993 nên thời hiệu mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ngân tính từ ngày 10/9/1990 và cụ Lê Văn Hiền tính từ năm 1993. Như vậy, ông Lê Thanh H có đơn khởi kiện vào tháng 02/2017 là mới 26 năm 7 tháng nên thời hiệu khởi kiện về thừa kế vẫn còn, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2]. Ông Trần Việt H cho rằng căn nhà cấp 4, diện tích 150m² xây dựng trên diện tích đất 1.942,8m² tại thửa 75, 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của cụ Lê Văn Hiền đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Mai Thị N với giá 20 chỉ vàng 24K nhưng ông Lê Văn H1 (Hùng) không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc trình bày của mình. Lời trình bày của bà Ngô Thị Kim A (là mẹ ruột của

ông Lê Văn H1 (Hùng)) không phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ nên không được coi là chứng cứ. Do đó, cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này của ông Lê Văn H1 (Hùng) là có căn cứ.

[3]. Di sản của cụ Lê Văn Hiền và cụ Nguyễn Thị Ngân chết để lại là căn nhà cấp 4, diện tích 150m² xây dựng trên diện tích đất 1.942,8m² tại thửa 75, 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cụ Lê Văn Hiền chết, ông Lê Văn H1 (Hùng) tháo dỡ căn nhà cũ xây dựng lại căn nhà mới. Do đó, di sản cụ Lê Văn Hiền và cụ Nguyễn Thị Ngân chết để lại là diện tích đất 1.942,8m² đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản, hiện các đương sự không kháng cáo phần này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4]. Xét kháng cáo của ông Trần Việt H cho rằng toàn bộ cây trồng trên đất là do ông Lê Văn H1 (Hùng) trồng sau khi cụ Lê Văn Hiền chết năm 1993 thì thấy: Đối chiếu với Biên bản thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản trên đất được lập ngày 10/8/2017 (BL: 183 đến 196) thì cây trồng trên đất xếp thành 3 loại A, B, C có giá trị 11.925.000 đồng. Có căn cứ cho rằng cây trồng trên đất do ông Lê Văn H1 (Hùng) trồng, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cây trồng là tài sản của cụ Lê Văn Hiền và chia cho các thừa kế là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị P đại diện cho ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A, Lê Thị D, Lê Thị P, bà Phạm Thị Đ, đồng ý mỗi người trả lại cho ông Lê Văn H1 (Hùng) giá trị cây trồng là 1.742.000 đồng và cần buộc các ông, bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L, ông Lê Thanh H mỗi người phải trả lại cho ông Lê Văn H1 (Hùng) giá trị cây trồng là 550.000 đồng là phù hợp.

[5]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trần Việt H đại diện cho ông Lê Văn H1 (Hùng); sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ông Lê Văn H1 (Hùng) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trần Việt H đại diện cho ông Lê Văn H1 (Hùng); sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P về việc chia di sản thừa kế.

- Nguyên đơn Lê Thanh H được hưởng và được quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị Ngàn và cụ Lê Văn Hiền đối với diện tích đất là 199m² thuộc một phần thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 01 cây Dừa loại A; 02 cây Dừa loại C, 01 cây Cà na. Phần đất có vị trí, số đo tứ cận cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp có số đo 41,33m + 3,34m + 8,02m + 0,51m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76 có số đo 53,2m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 3,9m.

(có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản ông H được hưởng là 14.630.000 đồng (Trong đó: phần di sản thừa kế của cụ Hiền mà ông Lê Thanh H được hưởng có giá trị là 11.424.257 đồng, phần giá trị còn lại là 3.205.743 đồng, ông Lê Thanh H có trách nhiệm hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác).

- Bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng và được quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị Ngàn và cụ Lê Văn Hiền là diện tích đất 1.594 m² (1.942,8m² – 199m² (phần đất do Hiệp được chia) – 149,8m² (phần đất do bà Lê Thanh Th nhận chuyển nhượng) thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 05 cây Dừa loại A, 08 cây Dừa loại B, 26 cây Dừa loại C, 17 cây Cau loại C, 03 cây Chuối loại A, 12 cây Chuối loại B, 38 cây Chanh loại C, 02 cây Mắm loại A, 01

cây Còng loại A, 01 cây Mít loại C, 01 cây Khế loại B, 01 cây Vú Sữa loại C và 01 cây Mai lớn hơn 05cm. Phần đất có số đo tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp và phần còn lại của thửa số 76 (giao cho Lê Thanh H) có số đo $53,2m + 5,2m + 7,0m + 31,49m$;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Thắng (Nguyễn Văn Triều) và thửa số 75 có số đo $30m + 5,0m + 53,65m + 1,0m + 7,8m$;

Hướng Nam giáp Nguyễn Văn Thắng có số đo 25,68m

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 8,68m.

(có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản ông Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng là 251.936.000 đồng (Trong đó: phần di sản thừa kế của cụ Hiền mà ông Lê Văn H1 (Hùng) được hưởng có giá trị là 22.848.514 đồng, phần giá trị còn lại là 229.087.486 đồng ông Lê Văn H1 (Hùng) có trách nhiệm hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác).

- Bà Lê Thanh Th được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích $149,8m^2$, tại thửa 75, tờ bản đồ số 80, tọa lạc ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544287 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho bà Lê Thanh Th, có số đo tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 76, số đo 30m;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn Thắng (Nguyễn Văn Triều), số đo 30m;

Hướng Nam giáp thửa 76, số đo 5m;

Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C), số đo 5m.

- Buộc nguyên đơn ông Lê Thanh H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền là 3.205.743 đồng (tương ứng một phần giá trị của 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

- Buộc bị đơn ông Lê Văn H1 (Hùng) có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần mà họ được hưởng. Cụ thể:

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền 34.875.114 đồng (tương ứng phần còn lại của 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị A mỗi người 38.080.857 đồng (tương ứng với 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân và 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả di sản của ông Lê Văn Hồng cho bà Lê Thị D là 38.080.857 đồng (tương ứng 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền là 11.424.257 đồng mà bà D được hưởng thừa kế thế vị từ ông Hồng và 1/5 kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Ngân là 26.656.600 đồng giao bà D đại diện nhận quản lý).

Buộc bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) hoàn trả cho bà Ngô Thị Kim A, bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L mỗi người 11.424.257 đồng (tương ứng với 1/14 kỷ phần của cụ Lê Văn Hiền).

Ghi nhận bà Lê Thị P, bà Lê Thị A, bà Lê Thị D, bà Lê Thị P mỗi người hoàn trả cho ông Lê Văn H1 (Hùng) 1.742.000 đồng giá trị cây trồng. Buộc bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L, ông Lê Thanh H mỗi người hoàn trả cho ông Lê Văn H1 (Hùng) 550.000 đồng giá trị cây trồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H về việc buộc các bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) và Ngô Thị Kim A giao trả căn nhà gắn liền trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544287 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lê Thanh Th đối với thửa số 75, diện tích 148,9m², tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 544286 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn H1 (Hùng) và bà Mai Thị N đối với phần đất có diện tích 199m² thuộc thửa đất số 76 (phần đất do ông H được chia), tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số 01, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí, số đo tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Lê Văn Đẹp có số đo 41,33m + 3,34m + 8,02m + 0,51m;

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76 có số đo 53,2m;

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;

- Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 3,9m.

(có sơ đồ kèm theo)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Lê Thanh H phải chịu 571.213 đồng được miễn nộp toàn bộ;

- Bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) phải chịu 1.142.426 đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P, Lê Thị A, Lê Thị P, Lê Thị D mỗi người phải chịu 1.904.043 đồng nhưng được miễn nộp toàn bộ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim A, bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L mỗi người phải chịu 571.213 đồng.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn Lê Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim A, bà Lê Thị Kim S, ông Lê Văn H, bà Lê Thanh Th, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thảo L mỗi người phải chịu 328.714 đồng. Bị đơn Lê Văn H1 (Hùng) phải chịu 657.429 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P, Lê Thị A, Lê Thị P, Lê Thị D mỗi người phải chịu 1.095.714 đồng.

Do nguyên đơn Lê Thanh H đã tạm ứng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên sau khi bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên nộp thì số tiền này được hoàn trả cho nguyên đơn.

6. Chi phí giám định chữ ký: Bị đơn ông Lê Văn H1 (Hùng) phải chịu 3.570.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.570.000 đồng. Như vậy, ông Lê Văn H1 (Hùng) đã nộp xong chi phí giám định chữ ký.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H1 (Hùng) không phải chịu. Hoàn trả cho Lê Văn H1 (Hùng) số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Trần Việt H nộp) theo Biên lai thu tiền số 0001418 ngày 04/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Đương sự (7)
- Lưu VP (6), HS (1), (19b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý